

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN
KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG 349**

Số: 07/CBTT-349

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Ngãi, ngày 07 tháng 4 năm 2026

CÔNG BỐ CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG NGÃI

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ngãi

ĐẾN

Số:

Ngày: 07/04/2026

Chuyển:

Lưu hồ sơ số:

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Thực hiện Công văn số 418/SXD-KTVL ngày 28/01/2026 của Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ngãi về việc triển khai, phổ biến quy định về thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG 349 công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng như sau:

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

1. Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG 349

2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 4300811944 cấp ngày 15 tháng 01 năm 2018, thay đổi lần thứ 3 ngày 11 tháng 12 năm 2024, do Phòng Đăng ký kinh doanh -Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp.

3. Địa chỉ trụ sở chính: B7-13 Phan Thái Ất 2, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Địa chỉ hòm thư điện tử: lasxd349.vn@gmail.com

5. Số điện thoại: 0905007525

6. Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm và kiểm định xây dựng –

Mã số: LAS-XD47.002

7. Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: B7-13 Phan Thái Ất 2, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi.

8. Thông tin Trạm thí nghiệm hiện trường:

- Dự án: Đường Nam Đông – A Lưới (TL.74) giai đoạn 3.

- Địa chỉ đặt Trạm thí nghiệm hiện trường: Xã A Lưới 4, thành phố Huế.

II. THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC CỦA TỔ CHỨC HOẠT THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

1. Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm

TT	TÊN PHÉP THỬ	Tiêu chuẩn kỹ thuật
1	CƠ LÝ XI MĂNG; XI MĂNG BỀN SUNFNAT	
	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng; Xi măng bền sunfat.	TCVN 4030:03; TCVN 6067:15
	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:11
	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích.	TCVN 6017:15; TCVN 6067:15
2	HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông.	TCVN 3106:22
	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông.	TCVN 3108:22
	Xác định độ tách nước và tách vữa.	TCVN 3109:22
	Xác định khối lượng riêng của bê tông	TCVN 3112:22
	Xác định độ hút nước của bê tông.	TCVN 3113:22
	Xác định khối lượng thể tích của bê tông.	TCVN 3115:22
	Xác định độ chống thấm của bê tông	TCVN 3116:22
	Xác định giới hạn bền khi nén của bê tông	TCVN 3118:22
	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn của bê tông.	TCVN 3119:22
	Xác định cường độ kéo khi bẻ của bê tông	TCVN 3120:22
	XĐ cường độ lắng trụ và mô đun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:22
	Xác định độ mài mòn; độ co của bê tông	TCVN 3114:22
	Thiết kế thành phần cấp phối bê tông	Theo Quyết định số 778/1998/QĐ-BXD
	Lấy mẫu khi khoan từ cấu kiện	ASTM C42:09
	Xác định độ pH	TCVN 9339:12

3	CÓT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA	
	Lấy mẫu	TCVN 7572-1:06
	Thành phần cỡ hạt.	TCVN 7572-2:06
	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích, độ hút nước.	TCVN 7572-4:06
	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích, độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn.	TCVN 7572-5:06
	Xác định khối lượng thể tích và độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:06
	Xác định độ ẩm.	TCVN 7572-7:06
	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ.	TCVN 7572-8:06
	Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:06
	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc.	TCVN 7572-10:06
	Xác định độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:06
	Xác định độ mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572-12:06
	Xác định hàm lượng hạt trôi dạt trong cốt liệu lớn.	TCVN 7572-13:06
	Xác định hàm lượng ion clorua	TCVN 7572-15:06
	Xác định hàm lượng sunfat và sunfit trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-16:06
	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa.	TCVN 7572-17:06
	Xác định hàm lượng mi ca	TCVN-7572-20:06
	Xác định góc dốc tự nhiên của cát	ASTM1883:1999
4	VỮA XÂY DỰNG	
	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất; Xác định độ lưu động của vữa tươi; Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi; Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi; Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đóng rắn; Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn; Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121:03
	Vữa rót không co ngót	TCVN 9204:12

5	BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA	
	Thành phần hạt; chỉ số dẻo; độ ẩm; tỉ trọng	TCVN 7572-2, 7572-7:06; TCVN 4195, 4197: 12
6	NHỰA BITUM	
	Xác định độ kim lún ở 25 °C	TCVN 7495:05
	Xác định độ kéo dài ở 25 °C	TCVN 7496:05
	Xác định nhiệt độ hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:05
	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498:05
	Xác định lượng tổn thất sau khi đun nóng ở 163°C trong 5h	TCVN 7499:05
	Xác định tỷ lệ độ kim lún nhựa đường sau khi đun nóng ở 163 °C trong 5h so với kim lún ở 25 °C	TCVN 7499:05
	Xác định lượng hòa tan trong Trichloroethylene	TCVN 7500:05
	Xác định khối lượng riêng ở 25 °C	TCVN 7501:05
	Xác định độ dính bám đối với đá	TCVN 7504:05
7	BÊ TÔNG NHỰA	
	Thử nghiệm Marshall (Độ ổn định, chỉ số dẻo, độ cứng quy ước)	TCVN 8860-1:11
	Hàm lượng bitum trong bê tông nhựa bằng PP chiết	TCVN 8860-2:11
	Thành phần hạt cốt liệu của hỗn hợp BTN sau khi chiết	TCVN 8860-3:11
	Xác định tỉ trọng lớn nhất và khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:11
	Xác định tỉ trọng lớn nhất và khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái đầm nén	TCVN 8860-5:11
	Xác định độ cháy nhựa	TCVN 8860-6:11
	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:11
	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:11
	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:11
	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:11

	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:11
	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:11
	Xác định thành phần hỗn hợp bê tông nhựa	TCVN 8820:11
8	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH ĐẤT SÉT NUNG	
	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:09
	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:09
	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:09
	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:09
	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:09
9	SẢN PHẨM BÊ TÔNG NHẹ (bê tông khí chưng áp; Bọt, khí không chưng áp)	
	Kiểm tra khuyết tật ngoại quan; XD kích thước, độ vuông góc, độ thẳng cạnh và độ phẳng mặt; XD cường độ nén; XD độ ẩm và khối lượng thể tích khô; Xác định độ co khô; XD độ hút nước; Xác định hệ số dẫn nhiệt	TCVN 7959:17, TCVN 9030:17
10	GẠCH BÊ TÔNG, GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN	
	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ bền nén; Xác định độ rỗng; Xác định độ hút nước, độ thấm nước; Xác định độ mài mòn	TCVN 6476:11, TCVN 6477:16
11	GẠCH TERRAZZO	
	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ bền uốn; Xác định độ mài mòn; Xác định độ hút nước	TCVN 7744:13
12	PHÂN TÍCH HÓA NƯỚC CHO XÂY DỰNG	
	Xác định hàm lượng cặn không tan; Xác định hàm lượng muối hòa tan	TCVN 4560:88
	Xác định độ pH	TCVN 6492:11
	Xác định hàm lượng ion clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:96
	Xác định hàm lượng ion Sunfat (SO ₄ ⁻⁻)	TCVN 6200:96
	Xác định hàm lượng chất hữu cơ	TCVN 4565:88

13	CƠ LÝ BENTONIT	
	Xác định khối lượng riêng; Xác định độ nhớt; Xác định hàm lượng cát; Xác định lượng mất nước; Xác định độ lắng đọng của dung dịch; Xác định độ PH	TCVN 9395:12
14	THỬ NGHIỆM ĐẤT, ĐÁ TRONG PHÒNG	
	Xác định khối lượng riêng (tỉ trọng)	TCVN 4195:12
	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:12
	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:12
	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:14
	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng.	TCVN 4199:12
	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:12
	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:12
	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:12
	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) trong PTN	TCVN 12792:20
	Đầm nén đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm	TCVN 12790:20
	Xác định đặc trưng hệ số thấm của đất	TCVN 8723:12
15	ĐẤT GIA CỐ BẰNG CHẤT KẾT DÍNH VÀ HỖN HỢP XI MĂNG ĐẤT	
	Gia cố đất bằng chất kết dính vô cơ, hóa học hoặc gia cố có tổng hợp xác định: Cường độ kháng ép (cường độ nén); Độ bền chịu ép chệch; Modun đàn hồi; Độ ẩm tối ưu cho đất gia cố bằng xi măng (độ ẩm phương pháp khô và ướt, độ bền theo thời gian)	TCVN 10379:14, 8862:11, 9843:13
16	THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN	
	Thử kéo	TCVN 197:14
	Thử uốn	TCVN 198:08
	Cốt thép - Thử uốn và uốn lại	TCVN 6287:97; ISO 10065:90
	Kiểm tra chất lượng mối hàn – thử uốn	TCVN 5401:10

	Kiểm tra chất lượng mỗi hàn ống – thử nén dẹt	TCVN 5402:10
	Thử phá hủy mỗi hàn kim loại – Thử kéo	TCVN 5403:10
	Thử kéo bu lông	TCVN 1916:95
17	GẠCH ỐP LÁT, ĐÁ GRANIT	
	Xác định kích thước và chất lượng bề mặt ; XD độ hút nước; XD độ bền uốn; Xác định độ mài mòn	TCVN 6415:15; TCVN 4732:16
18	THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG	
	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao dai	TCVN 12791:20; TCVN 8728 - 8729 - 8730:12
	Độ ẩm; Khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	22TCN346:2006; AASHTO T191
	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:11
	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng pp rắc cát	TCVN 8866:11
	Xác định môđun đàn hồi ‘E’ nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:11
	Xác định môđun đàn hồi ‘E’ chung của áo đường bằng cần Benkenman	TCVN 8867:11
	PP xác định môđun biến dạng hiện trường bằng tấm ép phẳng	TCVN 9354:12
	Thí nghiệm CBR – Ngoài hiện trường	TCVN 8821:11
	Xác định cường độ bê tông bằng súng bật nảy	TCVN 9334:012
	Đo điện trở đất; Đo điện trở nối đất và nối không	TCVN 9385:12
	Cọc – phương pháp thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:12
	Thí nghiệm độ căng dây co, dây cáp	TIA/EIA-222-F
	Thử áp lực đường ống nước	TCVN 6250: 1997; 4519: 1998

29.	Tấm ép cứng	
30.	Phễu rót cát	
31.	Dao vòng Φ 10x150	
32.	Dao vòng Φ 80x120	
33.	Bộ sàng đất, cát	
34.	Bộ sàng cấp phối đá dăm	
35.	Bộ sàng bê tông nhựa	
36.	Cần Benkenman	
37.	Đồng hồ so	
38.	Khuôn Marshall	
39.	Dụng cụ tạo mẫu Marshall	
40.	Bộ trục tạo mẫu Marshall	
41.	Bê ổn định nhiệt Marshall	
42.	Kích tháo mẫu	
43.	Máy chiếc nhựa 3000grs PP li tâm	
44.	Giấy lọc cho máy li tâm	
45.	Bơm chân không	
46.	Bình hút chân không Φ 300	
47.	Rọ cân thủy tĩnh	
48.	Máy lắc sàng	
49.	Máy khuấy từ	
50.	Máy khuấy đũa	
51.	Bình phản ứng kiềm silic	
52.	Quang kế	
53.	Quang phổ	
54.	Máy kiểm tra nước	
55.	Đồng hồ bấm giây	
56.	Máy xác định độ kim lún tự động	
57.	Máy xác định độ dẫn dài của nhựa đường	
58.	Thiết bị xác định điểm hóa mềm nhựa	

59.	Thiết bị xác định độ bắt lửa và bốc cháy nhựa	
60.	Máy khoan mẫu Bê tông nhựa và Bê tông xi măng	
61.	Mũi khoan BTN và BTXM	
62.	Máy cắt mẫu BTN và BTXM	
63.	Sàng 0,9 xác định độ mịn xi măng	
64.	Bộ Vica	
65.	Bàn dẫn quay tay	
66.	Máy trộn vữa xi măng	
67.	Máy dẫn vữa xi măng	
68.	Bay và chảo trộn hồ xi măng	
69.	Máy trộn bê tông xi măng	
70.	Thùng hấp mẫu xi măng	
71.	Côn đo độ sụt bê tông	
72.	Khuôn vữa 4x4x16	
73.	Khuôn vữa 7,07x7,07x7,07	
74.	Khuôn bê tông 15x15x15	
75.	Khuôn bê tông 20x20x20	
76.	Khuôn bê tông hình trụ $\Phi 15 \times 30$	
77.	Dụng cụ gá nén 4x4x16	
78.	Dụng cụ gá uốn 4x4x16	
79.	Dụng cụ gá uốn bê tông 15x60	
80.	Bộ dụng cụ coping D15	
81.	Bộ dụng cụ coping D10	
82.	Lưu huỳnh	
83.	Bàn rung tạo mẫu bê tông 1m ²	
84.	Máy nén 200 tấn TYA	
85.	Máy nén 200 tấn TYE	
86.	Súng bắn bê tông	
87.	Máy nén kéo uốn nén 100 tấn	
88.	Gông từ	

89.	Máy siêu âm đường hàn	
90.	Máy dò cốt thép	
91.	Máy siêu âm bê tông	
92.	Bơm áp lực – 16MPa	
93.	Máy đo điện trở nổi đất	
94.	Tủ tạo thời tiết nhân tạo	
95.	Tủ nhiệt ẩm	
96.	Tấm đục lỗ 90, 100, 110, 120mm	
97.	Bộ cối nén dập xi lanh D75, D150	
98.	Máy LA kèm theo 12 viên bi thép	
99.	Bình xác định hàm lượng bụi, bùn, sét, cát	
100.	Thùng đóng xác định thể tích của đá dăm	
101.	Cân thương nghiệp 10kg	
102.	Cân thương nghiệp 50kg	
103.	Khay làm mẫu các loại	
104.	Thước kẹp	
105.	Kính lúp	
106.	Lò nung	
107.	Bếp ga	
108.	Bếp cát	
109.	Bể ngâm mẫu	
110.	Các dụng cụ, thiết bị phụ trợ khác	

3. Danh sách thí nghiệm viên

STT	HỌ VÀ TÊN	TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN	VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ
1	Đào Công Dư	- Kỹ sư xây dựng dân dụng và công nghiệp - Thí nghiệm công trình - Quản lý PTN chuyên ngành xây dựng. - Quản lý hoạt động PTN chuyên ngành xây dựng	- Số 367165 ngày 27/4/2007 - Số 570290/TH-DN ngày 17/7/99 - Số: 2725/2007/VKH-THXD ngày 23/12/2007. - Số 5871-2008 ngày 22/12/2008
2	Hồ Đức Nghị	- Kỹ sư xây dựng cầu đường - Thí nghiệm viên chuyên ngành xây dựng giao thông	- Số 111611 ngày 14/12/2012 - Số 754/ĐHGTVT-CCTNV ngày 11/9/2023
3	Võ Duy Linh	- Kỹ sư xây dựng cầu đường - Thí nghiệm kiểm tra chất lượng đường Ô tô - Thí nghiệm hóa nước	- Số 18572 ngày 02/7/2014 - Số 305801/LĐTBOXH-DN ngày 03/6/2003 - Số 10277-A5182B/VNĐ/TNV ngày 16/5/2022
4	A Vô Chính	- Thí nghiệm vật liệu công trình giao thông	- Số 2024/GT1-087/VKHCHN ngày 17/4/2024
5	Huỳnh Văn Minh	- Thí nghiệm viên chuyên ngành xây dựng giao thông	- Số UTH-GCN 000005 ĐHGTVT ngày 11/9/2023

Công ty TNHH tư vấn kiểm định xây dựng 349 chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác, hợp pháp của nội dung thông tin công bố kê khai trong đơn; cam kết hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung đã công bố và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan. Khi có bất kỳ các thay đổi nào so với công bố, Công ty TNHH tư vấn kiểm định xây dựng 349 sẽ kịp thời cập nhật và thông tin đến các bên liên quan.

Công ty TNHH tư vấn kiểm định xây dựng 349 kính đề nghị Sở xây dựng tiếp nhận và đăng tải thông tin đăng ký công bố công khai nêu trên tại trang thông tin điện tử của Sở xây dựng.

Trân trọng,

GIÁM ĐỐC

Huỳnh Văn Minh